



PRESENT SIMPLE - QUESTIONS & STARTERS LISTENING

A. THEORY
I. GRAMMAR

PRESENT SIMPLE - QUESTIONS
- Hiện tại đơn - câu hỏi -

1. Cách dùng
Hỏi về thói quen / sự thật / lịch trình

2. Yes/No Questions + Short Answers

a. Với động từ thường
Công thức:
Do/Does + S + V (nguyên thể)?

Ví dụ:

- Do you like milk?
→ Yes, I do. / No, I don't.
- Does she play tennis?
→ Yes, she does. / No, she doesn't.

Trả lời ngắn:
Yes: Yes, S + do/does.
No: No, S + don't/doesn't.

b. Với TO BE
Công thức:
Am/Is/Are + S ... ?

Ví dụ:

- Are you happy?
→ Yes, I am. / No, I'm not.
- Is he a student?
→ Yes, he is. / No, he isn't.

Trả lời ngắn:
Yes: Yes, S + am/is/are.
No: No, S + am not/ isn't/aren't.

3. Wh- Questions

Công thức:

Wh-word + do/does + S + V?

Wh-word + am/is/are + S ... ?

Wh-words:
What, Where, When, Who, Why, How

Ví dụ:

- Where do you live?
- What does he do?
- How do they go to school?
- Where are you from?

4. Lưu ý

He/She/It → dùng DOES

Động từ sau do/does → về nguyên thể (không thêm s/es)

Does she plays → ❌

Does she play → ✅

★ Với TO BE: dùng am / is / are đúng chủ ngữ

I → am
He/She/It → is
You/We/They → are

5. Dấu hiệu nhận biết

always

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

usually

often

sometimes

☑ ○ ○ ○ ○ ○

every day/week

DAILY / WEEKLY	
✓	✓
✓	✓
✓	✓
✓	✓

in the morning

on Mondays

○	○
MON	○

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
<https://on.soundcloud.com/vZiTaQ6DYyFrPPOhLR>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	phone (v)	gọi điện thoại		4	paint (v)	vẽ	
2	table tennis (n)	bóng bàn		5	talk to somebody (v)	nói chuyện với ai đó	
3	monster (n)	quái vật		6	write a letter (phr.)	viết thư	

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ.

III. STARTERS LISTENING PART 3 - TIPS



1. NHÌN TRANH (Trước khi nghe)

Nhìn 3 thứ khác nhau giữa các tranh:

1. HÀNH ĐỘNG	2. ĐỒ VẬT	3. CHỖ
playing / reading / sleeping...	ball / book / TV...	bed / park / room...

→ Khoanh nhanh điểm khác nhau giữa 3 tranh.



2. NGHE (Khi nghe)

1 NO, he isn't. → **X** Câu trước là **SAI**

2 Luôn nghe **TRỌN VẸN 3** đáp án. Khi nghe "No", loại đáp án sai và chú ý thông tin sửa lại phía sau.

B. CLASSWORK

Con truy cập link/code để nghe nhé:
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-1-part-3>



Part 3

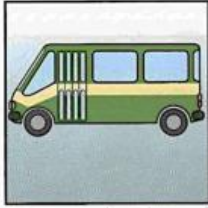
- 5 questions -

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

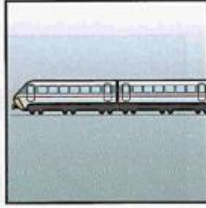
What's Bill doing?



A



B



C

1 What's Tom playing?



A



B



C

2 What's Nick doing?



A



B



C

3 What's Ben doing?



A

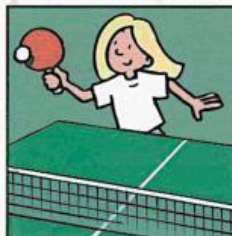


B



C

4 What's Kim doing?



A

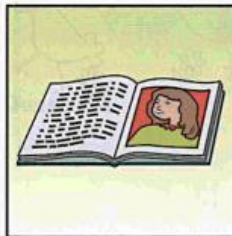


B

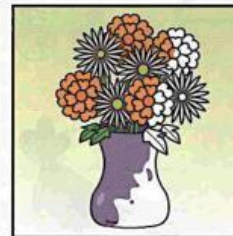


C

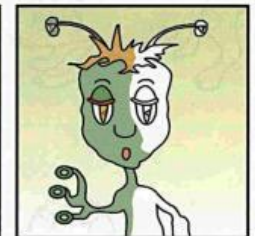
5 What's Ann painting?



A



B



C

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Extra vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Fill in the blanks with DO, DOES, AM, IS or ARE. (Điền DO, DOES, AM, IS hoặc ARE vào chỗ trống.)

0. Do you like salad?
 1. _____ Paul a student?
 2. _____ they eat bananas?
 3. _____ you okay?
 4. _____ I your friend?
 5. _____ Sally like cheese?




III. Match the questions with suitable answers. (Nối câu hỏi với câu trả lời phù hợp.)




0. Where is the cat?	A. My name is Linh.
1. What is your name?	B. He works at a bank.
2. How do you go to school?	C. She eats rice.
3. Where are you now?	D. I go by bike.
4. What does she eat?	E. It's on the table.
5. Where does Jack work?	F. I am at school.

0. E	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----

IV. Answer the following questions based on the pictures.

(Trả lời các câu hỏi sau dựa vào hình ảnh.)

0. Does Rita like strawberries?	→ No, she doesn't.	
1. Do they eat yoghurt?	→ _____.	
2. Does Susie like garlic soup?	→ _____.	

<p>3. Does your father like the food?</p>	<p>→ _____.</p>	
<p>4. Is she a teacher?</p>	<p>→ _____.</p>	
<p>5. Are they happy today?</p>	<p>→ _____.</p>	

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Con truy cập link/code để nghe nhé:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-1-part-3>



Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng.)

0. Where is Tom playing basketball?

A. In his bedroom

B. In the living room

C. In the garden

1. Where is Nick?

A. In the garden

B. In the living room

C. In the kitchen

2. Who is Nick phoning?

A. His father

B. A friend

C. His mother

3. Who is Kim playing table tennis with?

A. Her mother

B. Her brother

C. A friend

4. What is Kim's brother doing?

A. Watching television

B. Playing the piano

C. Playing table tennis

5. Where is Ben?

A. In the living room

B. In the garden

C. In be